

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2025

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thành Hiệp

2/ Ông Phan Văn Dân

-Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông Lưu Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ú, sinh năm: 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

ĐKHKT: Tổ 27, khóm H, Thị trấn A, C, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

ĐKHKT: Tổ 27, khóm H, Thị trấn A, C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 14/4/2025 nguyên đơn chị Trần Thị Ú trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T tiến tới hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2009. Sau khi cưới sống bên vợ, sau đó vợ chồng cất nhà ở riêng sống hạnh phúc khoảng 14 năm. Năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, đến năm 2024 anh T tự bỏ nhà đi, anh có liên lạc gọi điện thoại về nhà được ít tháng đầu nhưng sau đó anh T cắt liên lạc cũng không về nhà. Hiện tại anh T có liên lạc gọi điện về các con.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài thêm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

-*Về con chung*: có 02 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh năm: 2009; Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm: 2012. Hiện hai cháu đang sống với chị Ú. Sau ly hôn các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

-*Về tài sản và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Thanh T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ú. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh Nguyễn Thanh T tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh Nguyễn Thanh T hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở Tổ B, khóm H, Thị trấn A, C, tỉnh An Giang nhưng anh T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Ú, cho chị Ú ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thành C, sinh năm: 2009; Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm: 2012 cho chị Ú nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Thanh T vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Trần Thị Ú có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị Trần Thị Ú trình bày, sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà chị, sau đó vợ chồng cất nhà ở riêng sống hạnh phúc khoảng 14 năm. Năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, đến năm 2024 anh T tự bỏ nhà đi, anh có liên lạc gọi điện thoại về nhà được ít tháng đầu nhưng sau đó anh T cắt liên lạc cũng không về nhà. Hiện tại anh T có liên lạc gọi điện về các con. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu

thuần nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh Nguyễn Thanh T cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Ú. Hiện tại chị Trần Thị Ú xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Thanh T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ú cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ú là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh năm: 2009; Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm: 2012. Hiện hai cháu đang sống với chị Ú. Sau ly hôn chị Trần Thị Ú yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và cháu N. Xét thấy cháu Nguyễn Thành C và cháu Nguyễn Thị Mộng N từ nhỏ đến nay sống với chị Trần Thị Ú, được chị Trần Thị Ú và gia đình chăm sóc. Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Nguyễn Thành C, cháu Nguyễn Thị Mộng N cùng ngày 14/4/2025 thì các cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó để thực hiện theo nguyện vọng của cháu Thành C và cháu Mộng N và cũng tạo điều kiện cho chị Ú chăm sóc cháu, nghĩ nên để chị Ú được nuôi cháu Nguyễn Thành C, cháu Nguyễn Thị Mộng N là phù hợp, anh Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Ú không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị Trần Thị Ú phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: chị Trần Thị Ú trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Trần Thị Ú được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ú. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh năm: 2009; Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm: 2012. Hiện hai cháu đang sống với chị Trần Thị Ú. Sau ly hôn chị Trần Thị Ú được nuôi dưỡng cháu C, cháu N. Anh Nguyễn Thanh T

không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị Ú phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Ú trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ú phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008220 ngày 17/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Trần Thị Ú và anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung